

UBND TỈNH KON TUM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 126 /SGD&ĐT-GDDT

Kon Tum, ngày 02 tháng 02 năm 2017

V/v Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số
116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Các trường Trung học phổ thông, Phổ thông dân tộc nội trú.

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (Nghị định số 116/2016/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Ban hành danh sách các thôn, làng xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn;

Nhằm triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trong năm học 2016 - 2017 và những năm học tiếp theo; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố chỉ đạo các trường tiểu học, trung học cơ sở (THCS) thuộc quyền quản lý và các trường trung học phổ thông (THPT), phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh của đơn vị; thông qua chính quyền địa phương thông báo rộng rãi trong cộng đồng các dân tộc trên địa bàn.

2. Thực hiện việc xét duyệt, phê duyệt học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP

2.1. Xác định đối tượng học sinh thuộc diện xét hưởng các chính sách hỗ trợ

Thực hiện theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP. Trong đó lưu ý:

2.1.1. Đối với học sinh tiểu học, THCS

Học sinh *không hưởng chế độ nội trú* và phải thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, cụ thể:

- Nơi ở: Bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn hoặc xã khu vực III.

- Nơi học: Học sinh đang học tại trường có cấp tiểu học, THCS đóng chân trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn hoặc xã vùng II, III.

- Thỏa mãn điều kiện không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do cấp có thẩm quyền quy định, cụ thể học sinh có một trong các điều kiện sau:

+ Khoảng cách quãng đường từ nhà đến trường (nơi học) từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh THCS¹.

+ Quãng đường đi từ nhà đến trường của học sinh phải qua sông suối không có cầu hoặc qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở đất đá và có hộ khẩu thường trú tại các thôn, làng có tên trong danh sách kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh².

2.1.2. Đối với học sinh THPT

Học sinh *không hưởng chế độ nội trú* và phải thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, cụ thể:

a. Học sinh là người dân tộc thiểu số (DTTS)

- Nơi ở: Bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại thôn đặc biệt khó khăn hoặc xã khu vực III.

- Thỏa mãn điều kiện không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do cấp có thẩm quyền quy định, cụ thể học sinh có một trong các điều kiện sau:

+ Khoảng cách quãng đường từ nhà đến trường (nơi học) từ 10 km trở lên¹.

+ Quãng đường đi từ nhà đến trường của học sinh phải qua sông suối không có cầu hoặc qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở đất đá và có hộ khẩu thường trú tại các thôn, làng có tên trong danh sách kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh².

¹ Quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 85/2016/NĐ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

² Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 hoặc các quyết định khác thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 (nếu có).

b. Học sinh người kinh: Ngoài việc thỏa mãn các điều kiện như học sinh DTTS còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo.

2.2. Thực hiện trình tự và thời gian xét duyệt

Các trường thực hiện việc xét duyệt học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; trong đó:

- Thời gian thực hiện việc tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi chính sách hỗ trợ của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và hướng dẫn cha mẹ học sinh (hoặc người giám hộ hợp pháp), học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ *nộp hồ sơ* theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP **hoàn thành trước 20/8 hàng năm.**

- Mỗi học sinh thuộc đối tượng được xét hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP **nộp 01 bộ hồ sơ** trong năm nhập học theo quy định³, bộ hồ sơ này được sử dụng để xét học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ cho năm học nhập học và những năm học tiếp theo của mỗi cấp học/mỗi trường; riêng học sinh trung học phổ thông người kinh thuộc hộ nghèo phải nộp bổ sung giấy tờ chứng minh là con hộ nghèo theo từng năm hành chính. **Thời gian nộp hồ sơ trong năm nhập học phải hoàn thành trước 30 tháng 9 hàng năm.**

Trong trường hợp có sự thay đổi về hộ khẩu thường trú của học sinh hoặc thay đổi về khu vực của các xã (khu vực I, II, III), vùng đặc biệt khó khăn (xã, thôn đặc biệt khó khăn) do cấp có thẩm quyền quyết định, hiệu trưởng các trường có thể yêu cầu học sinh nộp hồ sơ theo năm học hoặc bổ sung giấy tờ trong hồ sơ khi cần thiết.

- Hiệu trưởng các trường chịu trách nhiệm tổ chức việc xét duyệt học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng⁴; lập hồ sơ xét duyệt theo quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 6 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP (cụ thể theo các biểu 01, 02, 03 đính kèm) gửi phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với trường cấp tiểu học, trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường Trung học phổ thông, Phổ thông dân tộc nội trú) **hoàn thành trước ngày 07/9 hàng năm; riêng năm học 2016-2017, hoàn thành trước ngày 11/02/2017.**

2.3. Thực hiện tổng hợp hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông báo và giải quyết khiếu nại kết quả phê duyệt

Thực hiện theo khoản 2, 3 Điều 7 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; trong đó:

- Việc tổng hợp hồ sơ xét duyệt của các trường (theo biểu số 04, 05) trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt (đối với phòng Giáo dục và Đào tạo

³ Gồm các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 6 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

⁴ Quy định tại Điều 2 và Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

huyện, thành phố), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (đối với Sở Giáo dục và Đào tạo) **hoàn thành trước ngày 15/9 hàng năm; riêng năm học 2016-2017, hoàn thành trước ngày 18/02/2017.**

- Sau khi có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi ngay cho các trường; Hiệu trưởng các trường có trách nhiệm tổ chức thông báo công khai cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh biết, thông qua chính quyền địa phương thông báo rộng rãi trong cộng đồng trên địa bàn⁵.

Hiệu trưởng các trường có trách nhiệm quy định thời gian cụ thể về việc giải quyết những thắc mắc, khiếu nại của học sinh, cha mẹ học sinh những vấn đề liên quan đến kết quả xét duyệt, phê duyệt học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ (nếu có) theo quy định⁶.

3. Thực hiện lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí

Thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; trong đó lưu ý:

3.1. Thực hiện việc chi trả, sử dụng, quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền ăn, tiền ở của học sinh

3.1.1. Đối với những học sinh thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ nhưng không được nhà trường tổ chức ăn, ở bán trú trong trường: Nhà trường thực hiện chi trả, cấp phát tiền ăn, tiền ở cho học sinh hàng tháng theo quy định⁷; danh sách chi trả lập theo từng lớp, phải ghi rõ nội dung, số tiền học sinh được nhận, có ký nhận của học sinh, xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp và được công khai cho cha mẹ học sinh từng lớp trong buổi họp cha mẹ học sinh cuối học kỳ I và cuối năm học.

3.1.2. Đối với những học sinh thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ và được nhà trường tổ chức ăn, ở bán trú trong trường:

- Nhà trường được giữ lại tiền ăn để tổ chức nấu ăn cho học sinh; tiền ăn của học sinh chỉ để mua thực phẩm, lương thực (khi cần thiết) cung cấp dinh dưỡng cho học sinh, không được sử dụng tiền ăn của học sinh vào những mục đích khác;

- Căn cứ số lượng tiền ăn được Nhà nước hỗ trợ cho mỗi học sinh/tháng và số ngày nhà trường tổ chức nấu ăn cho học sinh bình quân/tháng, đầu năm học nhà trường thống nhất với cha mẹ học sinh định mức tiền ăn cho mỗi học sinh/ngày (có

⁵ Riêng quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các phòng Giáo dục và Đào tạo sao gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶ Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

⁷ Điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

biên bản thống nhất cụ thể); lập hồ sơ theo dõi số ngày ăn của từng học sinh theo từng tháng, từ đó tính tổng số tiền ăn mà học sinh đã sử dụng trong tháng;

- Lập bản quyết toán tiền ăn của học sinh theo từng lớp, từng tháng, trong đó có tính toán khấu trừ khoản tiền ăn của từng học sinh đã sử dụng trong tháng để chi trả phần còn lại cho học sinh (nếu có) đầy đủ, kịp thời. Bản quyết toán tiền ăn của học sinh có ký xác nhận của từng học sinh, có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp và được công khai cho cha mẹ học sinh từng lớp trong buổi họp cha mẹ học sinh cuối học kỳ I và cuối năm học.

3.2. Thực hiện việc khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh

3.2.1. Đối với các trường tổ chức nấu ăn cho học sinh đầy đủ 3 bữa/ngày và tất cả các ngày học trong tuần: Các cơ quan quản lý thực hiện khoán kinh phí phục vụ việc tổ chức nấu ăn cho học sinh theo định mức quy định tại Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh⁸.

3.2.2. Đối với các trường tổ chức nấu ăn cho học sinh không đủ 3 bữa/ngày và ít hơn số ngày học trong tuần⁹: Căn cứ vào số bữa được nhà trường tổ chức nấu ăn cho học sinh trung bình/tháng, cơ quan quản lý¹⁰ thực hiện khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho các trường theo định mức phù hợp¹¹; Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm sử dụng có hiệu quả số lượng kinh phí được khoán để tổ chức tốt việc nấu ăn cho học sinh.

4. Thực hiện quy trình tổ chức hỗ trợ gạo cho học sinh

Thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; trong đó:

4.1. Thực hiện việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh từng năm học và quyết định phân bổ gạo cấp hỗ trợ học sinh từng đợt của năm học

- Trên cơ sở số lượng học sinh thực tế được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của năm học trước, phòng Giáo dục và Đào tạo

⁸ Bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức/tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

⁹ Ít hơn 06 ngày/tuần đối với cấp THCS, THPT; 05 ngày/tuần đối với cấp tiểu học.

¹⁰ Sở Giáo dục và Đào tạo; phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

¹¹ Thấp hơn định mức quy định tại Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

huyện, thành phố và các trường THPT, PTDTNT dự báo số lượng học sinh, số lượng gạo cần hỗ trợ cho năm học kế tiếp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo (theo biểu 06 đính kèm) trước ngày 15/6 để tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng *kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh* của năm học tiếp theo gửi Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định¹²;

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố và các trường THPT, PTDTNT tổ chức rà soát số lượng thực tế học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ gạo theo định kỳ¹³, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ số lượng gạo cấp hỗ trợ học sinh các trường, các địa phương theo từng đợt của năm học đảm bảo phù hợp với thực tế.

Riêng năm học 2016- 2017, các đơn vị thực hiện việc rà soát, xác định số lượng học sinh thụ hưởng, số lượng gạo hỗ trợ trong năm học và học kỳ II (theo biểu 07) gửi Sở giáo dục và Đào tạo trước ngày 18/02/2016.

4.2. Thực hiện việc tiếp nhận, cấp phát, sử dụng cho học sinh

- Phòng Giáo dục và Đào tạo (*tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố*), các trường THPT, PTDTNT (*thực hiện ủy quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo*) chủ động liên hệ với đơn vị cấp gạo để tiếp nhận gạo, vận chuyển đến các trường theo Kế hoạch¹⁴.

- Kinh phí cân nhận, bốc xuống và vận chuyển gạo từ trung tâm huyện, thành phố đến các trường thực hiện như sau:

+ Đối với gạo của học sinh các trường Tiểu học, THCS thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: do ngân sách các huyện, thành phố chi trả.

+ Đối với gạo của học sinh các trường THPT, PTDTNT: do các trường THPT, PTDTNT chi trả, trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được Sở Giáo dục và Đào tạo giao hàng năm.

- Tổ chức cấp phát, sử dụng gạo hỗ trợ học sinh:

+ Đối với học sinh thuộc diện được cấp gạo nhưng không được nhà trường tổ chức ăn bán trú trong trường: Nhà trường tổ chức cấp phát trực tiếp cho học sinh ngay sau khi nhận gạo, danh sách cấp gạo lập theo từng lớp, phải ghi rõ nội dung, số lượng gạo học sinh được nhận, có ký nhận của học sinh, xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp và được công khai cho cha mẹ học sinh từng lớp trong buổi họp cha mẹ học sinh cuối học kỳ I và cuối năm học.

¹² Quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 116/2016/ND-CP.

¹³ Đầu năm học, giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II.

¹⁴ Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo - đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì phối hợp với đơn vị cấp gạo, hợp đồng và xây dựng kế hoạch cấp gạo cho học sinh toàn tỉnh.

+ Đối với học sinh thuộc diện được cấp gạo và được nhà trường tổ chức nấu ăn bán trú trong trường: Nhà trường được giữ gạo đã cấp để tổ chức nấu ăn dần cho học sinh; kho cất giữ gạo phải đảm bảo an toàn, khô ráo, tránh ẩm, hư hỏng; gạo cất giữ phải được kiểm tra kỹ, thường xuyên đảm bảo không ẩm, mốc, hư hỏng khi sử dụng nấu ăn cho học sinh (tuyệt đối không sử dụng gạo đã mốc, hỏng để nấu cho học sinh ăn). Nhà trường phải có thỏa thuận với cha mẹ học sinh về định mức số lượng gạo ăn mỗi ngày/học sinh, tổ chức theo dõi số ngày ăn của học sinh để tính số lượng gạo mỗi học sinh đã sử dụng hàng tháng; lập bản quyết toán, trong đó có khấu trừ số đã sử dụng để cấp phát số lượng gạo còn lại cho học sinh theo định kỳ (nếu có); bản quyết toán có ký xác nhận của học sinh, xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp và được công khai cho cha mẹ học sinh từng lớp trong buổi họp cha mẹ học sinh cuối học kỳ I và cuối năm học.

- Lập hồ sơ tiếp nhận, cấp phát sử dụng gạo để lưu giữ tại đơn vị theo quy định tài chính hiện hành.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, yêu cầu các đơn vị tổ chức thực hiện; quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì phản ánh gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo qua phòng Giáo dục dân tộc (điện thoại số 0603 916 927) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Sở Tài chính (phối hợp);
- Giám đốc; các P Giám đốc;
- Lưu VT; GDDT. *ML*



Đinh Thị Lan

TRƯỜNG

Biểu số 01

DỰ TOÀN KINH PHÍ VÀ GẠO ĐÈ NGHỊ HỒ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 201... -201...

Tổng số học sinh toàn trường	Số lượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	Số lượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở	Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)						Dự toán số gạo đề nghị hỗ trợ (kg)
			Tổng cộng	Trong đó					
				Tiền ăn	Tiền nhà ở	Mua sắm, bổ sung phục vụ VH, TDTT	Lập tủ thuốc dùng chung cho khu bán trú	Phục vụ nấu ăn cho học sinh	

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

Biểu số 02

DANH SÁCH
HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 201... -201...

STT	Họ và tên	Lớp	Ngày/ tháng/ năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (ghi thôn, xã)	Điều kiện để xét: (Quảng đường từ nhà đến trường bao nhiêu km hoặc gặp những chướng ngại nào sau đây: qua sông, suối, không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lờ đất, đá. Người kinh con hộ nghèo)	Chính sách	
				Nam	Nữ				hỗ trợ được hưởng	Tiền ăn và gạo
1			.../.../...							
2			.../.../...							
3			.../.../...							
...			.../.../...							

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

(Handwritten mark)

.....
TRƯỜNG

Biểu số 03

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
Năm học 201..... - 201.....

Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP					Ghi chú
	Tổng số	Học sinh DTTS	Học sinh nữ	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở	

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... ngày .. tháng .. năm

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
SỞ (PHÒNG) GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu số 04

TÔNG HỢP

**SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ**

Năm học 201..... - 201.....

(Dành cho Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP				Ghi chú
			Tổng số học sinh	Trong đó			
				Học sinh DTTS	Học sinh nữ	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	
1							
2							
3							
....							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC (TRƯỞNG PHÒNG)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
SỞ (PHÒNG) GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu số 05

TỔNG HỢP
DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ GÀO ĐÈ NGHỊ HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/ND-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 201...-201...

(Dành cho Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở	Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)							Dự toán số gạo đề nghị hỗ trợ (kg)
					Trong đó							
					Tổng cộng	Tiền ăn	Tiền nhà ở	Mua sắm, bổ sung phục vụ VH, TDTT	Lập tủ thuốc dùng chung cho HS khu bán trú	Phục vụ nấu ăn cho học sinh		
1												
2												
3												
...												
	Tổng cộng											

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày, tháng, năm,
GIÁM ĐỐC (TRƯỞNG PHÒNG)

DỰ BÁO
SỐ LƯỢNG GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 201... - 201...

(Dành cho phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Dự báo số học sinh cần hỗ trợ	Dự báo số gạo cần hỗ trợ (kg)	Ghi chú
1					
2					
3					
...					
Tổng cộng					

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày ... thángnăm 201.....
TRƯỞNG PHÒNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG

biểu số 06

DỰ BÁO
SỐ LƯỢNG GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 201... - 201...

(Dành cho các trường THPT, PTDTNT)

Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Dự báo số học sinh cần hỗ trợ	Dự báo số gạo cần hỗ trợ (kg)	Ghi chú
Tổng cộng				

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày ... thángnăm 201.....
HIỆU TRƯỞNG

NHU CẦU GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC THÁNG 01, 02, 03, 04, 05 NĂM 2017
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
(Dành cho phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố)

ST T	Tên trường	Số lượng học sinh đủ điều kiện được hỗ trợ gạo tại thời điểm tháng 9 năm 2016	Tổng nhu cầu gạo thực tế hỗ trợ cho học sinh các tháng 9, 10, 11, 12/ 2016 (kg)	Số gạo dư tháng 01, 02, 3, 4, 5/ 2016 chuyển sang (kg)	Số gạo tạm ứng đã nhận tháng 9, 10 và 11, 12/2016 (kg)	Số gạo dư (thiếu) tính đến hết tháng 12/2016 (kg)	Số lượng học sinh đủ điều kiện được hỗ trợ gạo tại thời điểm tháng 01 năm 2017	Tổng nhu cầu gạo thực tế hỗ trợ cho học sinh các tháng 01, 02, 3, 4, 5/2017 (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-((5)+(6))	(8)	(9)= ((8)x15x5)-(7)
1								
2								
3								
...								
Tổng cộng								

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày ... thángnăm 201.....

TRƯƠNG PHÒNG

(Chữ ký)

NHU CẦU GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC THÁNG 01, 02, 03, 04, 05 NĂM 2017
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ

(Dành cho các trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú)

ST T	Tên trường	Số lượng học sinh đủ điều kiện được hỗ trợ gạo tại thời điểm tháng 9 năm 2016	Tổng nhu cầu gạo thực tế hỗ trợ cho học sinh các tháng 9, 10, 11, 12/ 2016 (kg)	Số gạo dư tháng 01, 02, 3, 4, 5/ 2016 (kg) chuyển sang	Số gạo tạm ứng đã nhận tháng 9, 10 và 11, 12/2016 (kg)	Số gạo dư (thiếu) tính đến hết tháng 12/2016 (kg)	Số lượng học sinh đủ điều kiện được hỗ trợ gạo tại thời điểm tháng 01 năm 2017	Tổng nhu cầu gạo thực tế hỗ trợ cho học sinh các tháng 01, 02, 3, 4, 5/2017 (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-((5)+(6))	(8)	(9)=((8)x15x5)-(7)
1								

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... ngày ... thángnăm 201.....

HIỆU TRƯỞNG

